

UBND TỈNH KON TUM
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BQLKKT-VP
Về việc đánh giá công tác phòng chống
tham nhũng năm 2021

Kon Tum, ngày tháng năm

Kính gửi: Thanh tra tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 1200/KH-UBND, ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 của tỉnh Kon Tum; Văn bản số 254/TTr-NV3, ngày 04/5/2022 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 theo Bộ Chỉ số của Thanh tra Chính phủ.

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*BQLKKT tỉnh*) báo cáo việc thực hiện các quy định phòng, chống tham nhũng (*PCTN*) tại cơ quan năm 2021, phục vụ việc đánh giá công tác PCTN của tỉnh như sau: (*có các Phụ lục kèm theo*).

** Tài liệu minh chứng được gửi vào hộp thư điện tử công vụ theo địa chỉ: thanhtratinh-kontum@chinhphu.vn.*

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo BQLKKT tỉnh;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP (Dao).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Vũ Mạnh Hải

UBND TỈNH KON TUM
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

PHỤ LỤC 4
BÁO CÁO CUNG CẤP THÔNG TIN, TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CỦA TỈNH NĂM 2021

I. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG <i>(Sở, ban, ngành, đơn vị, huyện ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản, trích yếu theo các mục tương ứng bên cột trái)</i>
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	
A.1 Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:	
A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	
A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN.	
A.1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	
A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	

A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch số 09/KH-BQLKKT, ngày 22/01/2021 về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. - Kế hoạch số 18/KH-BQLKKT, ngày 05/2/2021 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2021. - Văn bản số 1061/BQKKT-VP, ngày 05/11/2021 về việc hướng dẫn tổ chức kê khai tài sản, thu nhập hằng năm và bổ sung.
A.2.1.2 Kết quả thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 242/BQLKKT-VP, ngày 09/4/2021 về việc tham gia ý kiến về Báo cáo tổng kết Chiến lược Quốc gia PCTN đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC). - Văn bản số 446/BQLKKT-VP, ngày 01/6/2021 về rà soát, đề xuất định hướng hoàn thiện Hệ thống pháp luật. - Văn bản số 638/BQLKKT-VP, ngày 19/7/2021 về việc góp ý dự thảo Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của Thanh tra Chính phủ - Văn bản số 938/BQLKKT-VP ngày 01/10/2021 về việc góp ý dự thảo Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ
A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.2.2.1 Ban hành kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch số 01/KH-BQLKKT, ngày 04/01/2021 về triển khai công tác pháp chế và kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản Quy phạm pháp luật năm 2021.
A.2.2.2 Kết quả thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 137/BQLKKT-XDTNMT, ngày 26/2/2021 về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản hết hiệu lực pháp luật. - Văn bản số 617/BQLKKT-VP, ngày 14/7/2021 về rà soát, theo dõi thi hành pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. - Văn bản số 917/BQLKKT-XDTNMT, ngày 27/9/2021 về việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ TNMT.

	<p>- Văn bản số 924/BQLKKT-KTTH, ngày 28/9/2021 về việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Văn bản số 1042/BQLKKT-VP, ngày 29/10/2021 về việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</p> <p>- Văn bản số 1135/BQLKKT-KTTH, ngày 23/11/2021 về việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính</p>
A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN	
A.2.3.1 Ban hành kế hoạch	<p>- Kế hoạch số 08/KH-BQLKKT, ngày 21/01/2021 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021” trong năm 2021</p> <p>- Kế hoạch số 14/KH-BQLKKT, ngày 26/01/2021 về triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh trong năm 2021.</p> <p>- Công văn số 89/BQLKKT-VP, ngày 28/01/2021 về hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý I năm 2021</p> <p>- Công văn số 263/BQLKKT-VP, ngày 15/4/2021 về hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý II năm 2021</p> <p>- Công văn số 611/BQLKKT-VP, ngày 13/7/2021 về hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý III năm 2021</p> <p>- Công văn số 970/BQLKKT-VP, ngày 12/10/2021 về hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý IV năm 2021</p>
A.2.3.2 Kết quả thực hiện	<p>- Báo cáo số 298/BC-BQLKKT, ngày 02/11/2021 về tổng kết thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021” tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum</p> <p>- Báo cáo số 306/BC-BQLKKT ngày 05/11/2021 về báo cáo kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021.</p>

	<p>- Văn bản số 928/BQLKKT-VP, ngày 29/9/2021 về việc báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021</p> <p>- Báo cáo số 180/BC-BQLKKT, ngày 05/7/2021 về báo cáo tổng kết Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật, giai đoạn 2017-2021</p> <p>- Báo cáo số 184/BC-BQLKKT, ngày 06/7/2021 về báo cáo tổng kết Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021”</p> <p>- Báo cáo số 137/BC-BQLKKT, ngày 02/6/2021 về báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật 6 tháng đầu năm 2021.</p>
A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.2.4.1 Ban hành kế hoạch	- Kế hoạch số 19/KH-BQLKKT, ngày 09/02/2021 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum
A.2.4.2 Kết quả thực hiện	<p>- Báo cáo số 317/BC-BQLKKT, ngày 17/11/2021 về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Báo cáo số 220/BC-BQLKKT, ngày 13/8/2021 về tình hình thi hành pháp luật về đấu giá tài sản.</p> <p>- Văn bản số 599/BQLKKT-VP, ngày 12/7/2021 về việc tham gia ý kiến góp ý vào dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành “Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>
A.2.5 Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh	
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	
B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	

<p>B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018, cụ thể:</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây:</p> <p>a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;</p> <p>b) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;</p> <p>c) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.</p>	<p>- Quyết định số 177/QĐ-BQLKKT, ngày 30/12/2020 về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao thực hiện chế độ tự chủ của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum; Quyết định số 23/QĐ-BQLKKT, ngày 26/01/2021 về sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao thực hiện chế độ tự chủ của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Quyết định số 06/QĐ-BQLKKT, ngày 12/01/2021 về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum</p> <p>- Văn bản số 683/BQLKKT-KHTH, ngày 29/7/2021 về công khai dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2021</p> <p>- Thông báo số 63/TB-BQLKKT, ngày 09/9/2021 thông báo số điện thoại đường dây nóng và hộp thư điện tử công vụ của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Văn bản số 914/BQLKKT, ngày 24/9/2021 về phối hợp lập danh mục các nội dung công khai, minh bạch</p> <p>- Văn bản số 925/BQLKKT, ngày 29/9/2021 về lập danh mục các nội dung công khai, minh bạch.</p> <p>- Thông báo số 75/TB-BQLKKT, ngày 26/11/2021 về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể; công chức, viên chức năm 2021.</p> <p>- Các thông báo phân công nhiệm vụ lãnh đạo Ban, phân công nhiệm vụ công chức; thông báo kết luận của Trưởng ban tại các cuộc họp giao ban cơ quan; thông báo lịch trực cơ quan...</p> <p>- Đường link công khai trên trang thông tin điện tử: www.kkt.kontum.gov.vn</p>
<p>B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2021)</p>	
<p>B.1.3 Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)</p>	
<p>B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích</p>	

B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát xung đột lợi ích (XDLI)	
B.1.4.2 Kết quả giải quyết XDLI	
B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	<p>- Kế hoạch số 18/KH-BQLKKT, ngày 05/2/2021 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2021.</p> <p>- Văn bản số 829/BQLKKT-VP, ngày 01/9/2021 về việc triển khai thực chuyển đổi vị trí công tác năm 2021 theo kế hoạch</p> <p>- Báo cáo số 309/BC-BQLKKT, ngày 10/11/2021 về báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác năm 2021</p>
B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	
B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện	
B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN	
B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN	
B.1.6.4 Kết quả xác minh TSTN	
B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP (Chỉ thị 10)	
B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2021	
B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp	Không
B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	Không
B.2 Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc	

phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh	
B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	
B.2.2 Thanh tra, kiểm tra việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	
B.2.3 Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	
B.2.4 Thanh tra, kiểm tra về kiểm soát XĐLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	
B.2.5 Thanh tra, kiểm tra về thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	
C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng	
C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	<i>Không</i>
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	<i>Không</i>
C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	
C.2 Việc xử lý tham nhũng	
C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng	
<i>C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng</i>	<i>Không</i>

C.2.1.2 <i>Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng</i>	<i>Không</i>
C.2.2 <i>Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng</i>	
C.2.2.1 <i>Kết quả xử lý qua điều tra</i>	
C.2.2.2 <i>Kết quả xử lý qua truy tố</i>	
C.2.2.3 <i>Kết quả xử lý qua xét xử</i>	
C.2.3 <i>Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.</i>	
C.2.3.1 <i>Hình thức khiển trách</i> <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)</i>	
C.2.3.2 <i>Hình thức cảnh cáo</i> <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)</i>	
C.2.3.3 <i>Hình thức cách chức</i> <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ</i>	

việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)	
C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng	
C.4. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	
C.4.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 81-Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	<i>Không</i>
C.4.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82-Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	<i>Không</i>
C.4.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83-Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	<i>Không</i>
C.4.4. Kết quả xử lý vi phạm về xung đột lợi ích (Điều 84-Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	<i>Không</i>
C.4.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	<i>Không</i>
C.4.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85-Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	<i>Không</i>
C.4.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21-Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	<i>Không</i>
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG	
D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính	<i>Không</i>
D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp	

II. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ cụ thể: Không.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
(Ký, đóng dấu)